

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HS-ST

Ngày 14/12/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Long Hính;

2. Ông Trần Quyết Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14/12/2021, tại Phòng xử án hình sự Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 68/2021/TLST-HS ngày 08/11/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐXXST-HS ngày 30/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Mua Chứ S, sinh năm 1984, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mua Dững P, sinh năm 1963 và bà: Vàng Thị M sinh năm 1963; có vợ: Ly Thị M sinh năm 1989; con: Có 02 con lớn sinh năm 2008 con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/3/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M), sinh ngày 05/7/1978, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ly Mí P sinh năm 1943 (đã chết) và bà: Mua Thị M sinh năm 1943; có vợ: Vàng Thị M1 sinh năm 1984; con: Có 05 con lớn sinh năm 2004 con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/3/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

3. Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chú M), sinh năm 1991, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Dững S sinh năm 1971 và bà: Mua Thị S sinh năm 1968; có vợ: Mua Thị C sinh năm 1990; con: Có 02 con lớn sinh năm 2009 con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

4. Mua Mí V, sinh ngày 20/10/1996, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mua Sía C sinh năm 1973 và bà: Vừ Thị M sinh năm 1976; có vợ: Giàng Thị C sinh năm 2002; con: Có 02 con lớn sinh năm 2018 con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

5. Thào Mí N, sinh ngày 03/02/1993, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Sĩa P sinh năm 1971 và bà: Vàng Thị N sinh năm 1972; có vợ: Mua Thị M1 sinh năm 1993; con: Có 02 con lớn sinh năm 2011 con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

6. Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C) sinh ngày 20/6/1996, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Dững S1 sinh năm 1971 và bà: Mua Thị S1 sinh năm 1968; có vợ: Dinh Thị M sinh năm 1993; con: Có 02 con lớn sinh năm 2014 con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

7. Vàng Mí C, sinh năm 1992, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Sĩa S sinh năm 1973 và bà: Mua Thị L sinh năm 1977; có vợ: Sùng Thị S sinh năm 1994; con: Có 05 con lớn sinh năm 2013 con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

8. Mua Vả S, sinh năm 1978, tại huyện Đ, tỉnh H; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mua Sáu N sinh năm 1955 và bà: Lâu Thị S sinh năm 1957; có vợ: Vừ Thị H sinh năm 1983; con: Có 03 con lớn sinh năm 2004 con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 30/6/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Mua Chứ S và Ly Mí M*: bà Nguyễn Thị Lan - Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Thào Mí M, Mua Mí V và Thào Mí N*: Bà Lục Thùy Linh - Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S*: ông Nguyễn Xuân Giang - Trợ giúp viên Pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Chị Đoàn Thị V, vắng mặt;
2. Anh Nguyễn Thanh T, vắng mặt;
3. Chị Nguyễn Thị T, vắng mặt;
4. Anh Nguyễn Quang S, vắng mặt;
5. Chị Triệu Thị H, vắng mặt;
6. Chị Lê Thị Bích V, vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Bà Sùng Thị Cúc, trú tại: Tổ 08, phường Quang Trung, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian vào trước tết Nguyên đán năm 2021, có 02 người đàn ông dân tộc Mông tự xưng là M, P nhà ở Đ (*không xác định được nhân thân, lai lịch của hai người này*) đến nhà Mua Chứ S, sinh năm 1984, ở thôn T, xã L, huyện Đ với mục đích là mua chim Họa mi. Khi ra về P có xin số điện thoại của Mua Chứ S và bảo với Mua Chứ S khi nào có người muốn mua chim, P sẽ giới thiệu Mua Chứ S cho họ.

Ngày 08 Tết Nguyên đán 2021 (*tức ngày 19/02/2021*), P sử dụng số điện thoại 0399.025.850 gọi cho Mua Chứ S hỏi thăm tình hình làm ăn, Mua Chứ S trả lời là vừa bị tai nạn xe máy nên không đi đâu được. Đến ngày mùng 09 Tết (*tức*

ngày 20/02/2021), P tiếp tục sử dụng thuê bao số 0399.025.850 gọi cho Mua Chứ S bảo thời gian này Mua Chứ S không đi đâu làm gì thì mấy ngày nữa P có việc cho Mua Chứ S làm, nên Mua Chứ S có hỏi P là việc gì thì P nói là đưa người vượt biên, mấy ngày nữa có người lên thì anh (Mua Chứ S) giúp dẫn họ đi vượt biên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2021 (tức ngày 02/02/2021 âm lịch) vào khoảng 08 giờ thì P điện thuê Mua Chứ S đưa 06 người từ thị trấn Đ, vượt biên giới đi Trung Quốc để lao động (qua khu vực biên giới ở xã L), với tiền công là 300NDT/1 người, (khi nào đưa được sang Trung Quốc người lao động khác trả tiền), hiện nay họ đã lên đến xã P, huyện Đ rồi. Mua Chứ S đồng ý, nhưng một mình không thể thực hiện được nên điện thoại cho Ly Mí M, sinh năm 1978, trú tại thôn M, xã M trao đổi lại toàn bộ nội dung P thuê Mua Chứ S đưa người vượt biên để Ly Mí M cùng thực hiện. Khi M đồng ý, Mua Chứ S bảo Ly Mí M thuê người khác đón 06 người lao động ở trung tâm huyện Đ đưa vào đến khe suối L, thuộc thôn MA để Mua Chứ S cùng Mua đưa 06 người này vượt biên sang Trung Quốc. Ly Mí M đồng ý và gọi điện cho Thào Mí M, sinh năm 1991, trú tại thôn M, xã M đến nhà mình để trao đổi công việc nhưng không gọi được nên Ly Mí M gọi điện cho Thào Mí N, nhờ N bảo cho Thào Mí M đến nhà Ly Mí M. Tại đây, Ly Mí M đặt vấn đề với Thào Mí M là hiện nay có 06 công dân đang muốn vượt biên sang Trung Quốc và họ đang ở thôn K, xã T, huyện Đ và thuê Thào Mí M chở 06 người lao động, từ thôn Khía L đến thôn MA, giao cho Ly Mí M để đưa vượt biên sang Trung Quốc, với tiền công là 150NDT/02 người và bảo Thào Mí M tìm thêm người đi cùng chở. Vì biết 06 người này vượt biên giới đi Trung Quốc lao động nhưng Ly Mí M trả công rẻ, nên Thào Mí M không đồng ý, yêu cầu trả công 100NDT/01 người mới chở nhưng Ly Mí M chưa nhất trí nên Thào Mí M đi về. Sau đó Ly Mí M gọi điện trao đổi với Mua Chứ S, được Mua Chứ S đồng ý với giá 100NDT/người, Ly Mí M lại đến nhà Thào Mí M nói đồng ý trả tiền công cho Thào Mí M 100NDT/01 người rồi bảo Thào Mí M tìm thêm 05 người khác nữa để cùng chở 06 công dân trên. Đến trưa ngày 14/3/2021, Thào Mí M tìm được 05 người cùng mình đi chở 06 công dân trên gồm: (1) Thào Mí N, sinh năm 1993, HKTT thôn M, xã M; (2) Thò Mí C, sinh năm 1996, HKTT thôn M, xã M; (3) Mua Mí V, sinh năm 1996, HKTT thôn M, xã M; (4) Vàng Mí C, sinh năm 1992, HKTT thôn MA, xã Má Lé; (5) Mua Vả S, sinh năm 1978, HKTT thôn MA, xã Má Lé.

Trong số 05 người trên Thào Mí M gặp trực tiếp 02 người là Thào Mí N và Thò Mí C, còn Mua Vả S, Vàng Mí C, Mua Mí V thì Thào Mí M điện thoại liên lạc để trao đổi. Khi đặt vấn đề, Thào Mí M nói rõ cho 05 người này biết là được Ly Mí M thuê chở 06 người từ thôn K, xã T vào đến thôn MA, giao cho Ly Mí M, để Mua đưa số người này vượt biên giới đi Trung Quốc lao động và nhận tiền công là 100 NDT/01 người. Sau khi mọi người nhận lời thì bị cáo Thào Mí M cùng các bị cáo xuất phát từ nhà để đi chở số người có nhu cầu đi Trung Quốc lao động trái phép.

Trên đường từ nhà đi ra thôn Khía L, khi đến cuối thôn MA thì Mua Mí V, Vàng Mí C và Thò Mí C gặp Ly Mí M, Mua vẫy tất cả dừng xe lại và cho Mua Mí V số điện thoại của 01 người lao động để liên hệ đón, vì Mua Mí V nói thành

thạo tiếng Việt. Ra đến thôn Khía L nhưng không thấy số người cần đón nên Mua Mí V liên lạc với số điện thoại mà Ly Mí M đưa thì được biết 06 công dân đang ở ngoài thị trấn Đ nên các bị cáo đi thẳng ra Đ đón người. Khi đón được 06 người lao động tại 02 quán nước vỉa hè khu vực trước cửa cơ quan Thuế, 04 bị cáo là Thò Mí C, Mua Mí V, Vàng Mí C, Mua Vả S mỗi bị cáo chở một công dân lao động đi trước. Còn bị cáo Thào Mí M cùng Thào Mí N chở hai người lao động đi sau, *(do xe máy của Thào Mí M bị hỏng)*. Khi 04 bị cáo chở 04 công dân đi trước đến thôn N, xã M thì gặp lực lượng Biên phòng tuần tra nên quay đầu xe và cho người lao động xuống xe rồi bỏ trốn, để lại 04 công dân đó chạy trốn lên rừng, còn Thào Mí N và Thào Mí M đi đến thôn Đ, xã T thì được Thò Mí C gọi điện báo cho Ná biết, nên dừng lại. Một lúc sau 02 bị cáo Thào Mí M và Thào Mí N cùng 02 người lao động bị lực lượng Công an huyện Đ phát hiện, yêu cầu đến trụ sở làm việc. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo Mua Mí V được Công an huyện Đ vận động ra đầu thú nên đã gọi điện cho 03 bị cáo còn lại cùng nhau đi tìm 04 người lao động và đưa đến Công an huyện Đ để làm việc.

Đối với 06 người lao động xác định được có 04 nhóm, cụ thể như sau:

Nhóm 01, có 02 người, gồm: ⁽¹⁾ Đoàn Thị V, sinh năm 1987, trú tại thị trấn Đ, huyện P, tỉnh T; ⁽²⁾ Nguyễn Thanh T, sinh năm 2002, trú tại xã Y, huyện P, tỉnh T, T là em nuôi của V.

Vào đầu năm 2018, chị Đoàn Thị V có kết bạn Zalo với một người tên Đ, ở tỉnh B *(chưa xác định được nhân thân của Đ)*; Đến đầu năm 2021, V thường xuyên vào zalo, Facebook thì biết được Đ hiện đang làm ở bên Trung Quốc, do không có việc làm nên ngày 27/2/2021, V vào Zalo và nhắn tin cho Đ hỏi về việc làm ở bên Trung Quốc như thế nào, tiền công ra làm sao, cho V đi làm cùng với; V được Đ hứa hẹn sẽ đưa V sang bên Trung Quốc làm trong một xưởng bánh kẹo với tiền lương là 15.000.000đ/tháng *(Mười lăm triệu đồng)* và khi nào đi được Đ sẽ liên lạc cho V. Sau đó V đã đi bàn bạc và rủ em nuôi mình là Nguyễn Thanh T cùng đi làm thuê. Đến ngày 13/3/2021, V được Đ gọi điện thông báo đã đến ngày đi nhưng V bảo không có tiền, Đ hứa là Đ sẽ cho ứng tiền đi vượt biên, khi nào làm được sẽ khấu trừ vào tiền lương và hướng dẫn Đoàn Thị V bắt xe lên Hà Giang sẽ có người đón.

Nhóm thứ 2, có 02 người gồm: ⁽¹⁾ Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; ⁽²⁾ Nguyễn Quang S, là chồng của T, sinh năm 1978, cùng trú tại thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh H.

Vào khoảng tháng 4/2020, chị Nguyễn Thị T có gặp một phụ nữ người Việt Nam đi cùng một người đàn ông Trung Quốc *(không xác định được nhân thân)* tại một quán cà phê cách nhà T khoảng 3km, qua nói chuyện T có nói đến việc đi Trung Quốc làm thuê và được người phụ nữ này giới thiệu để T kết bạn với một tài khoản zalo “M béo” và giới thiệu là người này là người Việt Nam lấy chồng bên Trung Quốc, chuyên sắp xếp công việc làm ở bên Trung Quốc cho người Việt Nam. Do T có nhu cầu đi Trung Quốc lao động nên đến đầu tháng 3/2021, T đã chủ động liên lạc với “M béo” hỏi về công việc làm, tiền công, lệ phí đi Trung Quốc nên được “M béo” cho biết lệ phí đi từ biên giới vào sâu trong nội địa

Trung Quốc hết 5.500NDT/người và hướng dẫn cho T đi theo đường Hà Giang để vượt biên và mọi chi phí từ biên giới vào đến nơi làm thì “ M béo” sẽ chi trả trước cho, đến khi nào đến nơi làm, có lương thì sẽ trả cho Mai sau nên T đã bàn bạc với chồng mình là Nguyễn Quang S việc đi Trung Quốc làm thuê. Theo hướng dẫn của “M béo” nên chiều ngày 12/3/2021, vợ chồng T đi từ nhà lên bến xe Gia Lâm rồi bắt xe lên Hà Giang.

Nhóm 3, có một người đi lẻ là Triệu Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh B

Chị Triệu Thị H xem được bài viết trên Tiktok, rồi gửi số điện thoại cho người có bài viết đó kết bạn zalo và tài khoản zalo đó là “Nhận chuyển tiền Việt-Trung” (*chưa xác định được nhân thân*). H đã chủ động liên lạc, hỏi đường đi Trung Quốc, giá tiền đi thì được người đó cho biết đi qua đường tỉnh Hà Giang, lệ phí đến nơi làm là 5.500 NDT/1người và hướng dẫn H bắt xe lên Hà Giang, khi đến Hà Giang sẽ có người đón còn lệ phí từ biên giới vào đến nơi làm thì khi nào làm được lương sẽ trừ sau. Đến ngày 10/3/2021, H thuê xe Taxi đi từ Bắc Ninh lên đến bến xe Hà Giang theo sự hướng dẫn.

Nhóm 4, có một người đi lẻ là chị Lê Thị Bích V, sinh năm 1990, trú tại khu vực T, phường T, quận T, TP C. Vào ngày 11/3/2021, chị V lên nhà bà B ở cùng địa chỉ trên chơi và hỏi chuyện bà B thì được biết bà B có con gái tên T sang Trung Quốc lấy chồng được khoảng 7 năm và hiện tại đang có con nhỏ, cần tìm người trông trẻ nên bà B đã giới thiệu và lấy số điện thoại của T cho V để tự liên lạc. Qua trao đổi với T, V được T nói sang trông trẻ cho T, T sẽ trả lương cho V là 12.000.000đ/tháng và hướng dẫn V đi lên Hà Giang và vượt biên tại Đ, mọi chi phí trên đường đi đến khi vượt biên sang đến nơi làm là do T chi trả. Đến chiều ngày 12/3/2021, V mua vé máy bay, bay từ Cần Thơ ra Nội Bài rồi bắt xe lên đến bến xe Hà Giang là 01 giờ ngày 13/3/2021.

Cáo trạng số 19/CT-VKS-P1 ngày 03/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M) và Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M) về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhì C) , Vàng Mí C và Mua Vả S về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M và Thào Mí M, Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ, tài liệu luận tội các bị cáo và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố; phân tích tính chất của vụ án, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; đánh giá vai trò tham gia thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M) và Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M) Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C) , Vàng Mí C và Mua Vả S phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

2. Hình phạt

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M) và Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M):

+ Xử phạt bị cáo Mua Chứ S từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M) từ 2 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M) từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C) , Vàng Mí C và Mua Vả S:

+ Xử phạt bị cáo Mua Mí V từ 06 tháng đến 09 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Thào Mí N 06 tháng đến 09 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C) 06 tháng đến 09 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Vàng Mí C 06 tháng đến 09 tháng tù;

+ Xử phạt bị cáo Mua Vả S 06 tháng đến 09 tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu bạc của Ly Mí M; 01 điện thoại cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu OPPO của Mua Chứ S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu JOOEAI màu xanh của bị cáo Thào Mí M; 01 điện thoại di động KINGREAT của bị cáo Vàng Mí C đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động VIVO màu xanh của bị cáo Mua Mí V; 01 điện thoại di động Masstel màu đen của bị cáo Mua Vả S.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo trình bày: Đề nghị nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị

cáo cũng như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà, đề nghị tuyên các bị cáo phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” là đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là do muốn giúp đỡ gia đình có thu nhập thêm, nên mới nhận lời chở và đưa các công dân Việt Nam vượt biên trái phép sang Trung Quốc lao động làm thuê; một số bị cáo không biết việc mình nhận lời chở các công dân Việt Nam đi đến vùng giáp biên giới giao cho Mua Chứ S và Ly Mí M để đưa 06 công dân này sang Trung Quốc trái phép là vi phạm pháp luật. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo Mua Mí V được Công an huyện Đ vận động ra đầu thú; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bào chữa cho các bị cáo Mua Chứ S và Ly Mí M bà Nguyễn Thị Lan: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M:

+ Xử phạt bị cáo Mua Chứ S từ 02 năm đến 03 năm tù;

+ Xử phạt bị cáo Ly Mí M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Người bào chữa cho các bị cáo Thào Mí M, Mua Mí V và Thào Mí N, bà Lục Thùy Linh: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thào Mí M; xử phạt bị cáo Thào Mí M 02 năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mua Mí V và Thào Mí N; xử phạt bị cáo Mua Mí V và Thào Mí N mỗi bị cáo 06 tháng tù.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S ông Nguyễn Xuân Giang:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58, Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S; xử phạt các bị cáo Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S mỗi bị cáo 06 tháng tù.

Phần tranh luận: Các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M, Thào Mí M, Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S nhất trí với luận tội và đề nghị về tội danh, mức hình phạt của Kiểm sát viên; nhất trí với nội dung bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến gì bổ sung thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với mức thấp nhất, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Nội dung bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo đều nhất trí với quan điểm đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật và mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị; do đó không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M, Thào Mí M, Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng chị Đoàn Thị V, anh Nguyễn Thanh T, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Quang S, chị Triệu Thị H, chị Lê Thị Bích V vắng mặt không có lý do; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Trợ giúp viên pháp lý, các bị cáo, xét thấy những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M, Thào Mí M, Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C và Mua Vả S, xét thấy: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với Biên bản sự việc, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. **Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:** Sáng ngày 14 tháng 3 năm 2021 (*tức ngày 02/02/2021 âm lịch*), P là người (*không xác định được nhân thân, lai lịch*) đã sử dụng số điện thoại 0399.025.850 gọi cho Mua Chứ S thuê bị cáo Mua Chứ S đưa 06 công dân Việt Nam đi từ thị trấn Đ, vượt biên giới trái phép đi Trung Quốc để lao động làm thuê (*qua khu vực biên giới ở xã L*), với tiền công là 300NDT/1 người, bị cáo Mua Chứ S đồng ý và gọi điện thoại cho Ly Mí M (*anh vợ của Mua Chứ S*) trao đổi toàn bộ nội dung P thuê Mua Chứ S đưa người vượt biên sang Trung Quốc để Ly Mí M cùng thực hiện. Khi Ly Mí M đồng ý, bị cáo Mua Chứ S tiếp tục bảo Ly Mí M thuê người khác đón 06 công dân Việt Nam ở trung tâm huyện Đ đưa vào đến khe suối L, thuộc thôn MA để Mua Chứ S cùng với Ly Mí M đưa 06 người này vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, Ly Mí M đã liên lạc với Thào Mí M để Thào Mí M liên hệ thuê người chở 06 công dân Việt Nam đến địa điểm khe suối L, thuộc thôn MA. Thào Mí M đã điện thoại và liên hệ trực tiếp được 5 người khác là: ⁽¹⁾ Thào Mí N, ⁽²⁾ Thò Mí C, ⁽³⁾ Mua Mí V, ⁽⁴⁾ Vàng Mí C, ⁽⁵⁾ Mua Vả S cùng với Thào Mí M chở 06 công dân Việt Nam có nhu cầu vượt biên giới sang Trung Quốc để lao động làm thuê là: ⁽¹⁾ Đoàn Thị V, sinh

năm 1987, trú tại thị trấn Đ, huyện P, tỉnh T; ⁽²⁾ Nguyễn Thanh T, sinh năm 2002, trú tại xã Y, huyện P, tỉnh T, ⁽³⁾ Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; ⁽⁴⁾ Nguyễn Quang S, là chồng của T, sinh năm 1978, cùng trú tại thôn Đ, xã L, huyện C, tỉnh H; ⁽⁵⁾ Triệu Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh B và ⁽⁶⁾ chị Lê Thị Bích V, sinh năm 1990, trú tại khu vực T, phường T, quận T, thành phố C. Khi tất cả các bị cáo đón được 06 công dân Việt Nam, sau đó mỗi bị cáo chở 01 người đi lên khu vực biên giới giao cho Mua Chứ S và Ly Mí M, đang trên đường đi thì bị cơ quan chức năng phát hiện, yêu cầu về trụ sở để làm việc. Các bị cáo đều chưa ai được nhận tiền công do chưa đưa được 06 người đến nơi theo thỏa thuận.

[4] Xét thấy, bị cáo Mua Chứ S là người nhận lời đón, đưa 06 người từ người đàn ông tên P (*không xác định được nhân thân, lai lịch*) rồi liên hệ với bị cáo Ly Mí M về tiền công và việc thuê người đón, đưa 06 người lao động vượt biên đi Trung Quốc. Sau đó bị cáo Ly Mí M liên hệ với bị cáo Thào Mí M để thuê người đón, đưa 06 người và tiền công. Tiếp thu ý chí của bị cáo Ly Mí M, bị cáo Thào Mí M đã đi tìm, thuê 05 người cùng với bị cáo đi xe ôm để đón, đưa 06 công dân có nhu cầu đi Trung Quốc lao động từ thị trấn huyện Đ đến thôn M, xã M, huyện Đ giao cho Ly Mí M và Mua Chứ S để tiếp tục đưa lên biên giới sang Trung Quốc. Do vậy bị cáo Thào Mí M đồng phạm với bị cáo Mua Chứ S và Ly Mí M về thực hiện hành vi đón, đưa 06 người lao động. Còn các bị cáo Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C, Mua Vả S khi được Thào Mí M điện thoại, trao đổi trực tiếp thuê chở người từ địa điểm thôn Khía L, xã Thái Phìn Tùng, huyện Đ đến thôn M, xã M, huyện Đ để giao cho Mua Chứ S và Ly Mí M đưa những người này vượt biên trái phép sang Trung Quốc các bị cáo đã đồng ý và mỗi người đã chở 01 người, nên các bị cáo đồng phạm thực hiện hành vi đón, đưa 01 người. Việc các bị cáo trên đường tổ chức đưa 06 người vượt biên trái phép đi Trung Quốc bị lực lượng Biên phòng và Công an huyện Đ phát hiện bắt giữ ngăn chặn và chưa được hưởng lợi từ việc lấy tiền công chở 06 người và tổ chức cho 06 công dân trốn sang Trung Quốc là ngoài ý muốn của các bị cáo.

[5] Xét thấy, các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, biết việc tổ chức xuất khẩu lao động phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước cấp phép thực hiện mới hợp pháp; song với động cơ mục đích vụ lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài với tổng số là 06 người. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội; thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực xuất cảnh, quyền tự do cư trú của công dân, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới. Hành vi của các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M và Thào Mí M đã phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự; với tình tiết định khung “*Đối với từ 05 người đến 10 người*” có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Các bị cáo Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C, Mua Vả S phạm tội “Tổ chức cho người

khác trốn đi nước ngoài” theo quy định tại khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm; tội phạm các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[6] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Mặc dù bị cáo Mua Chứ S không phải là người khởi xướng, nhưng khi nhận được điện thoại của P về đưa đón 06 công dân Việt Nam vượt biên trái phép sang Trung Quốc, Mua Chứ S đã nhận lời và thoả thuận về giá cả 300NDT/người; liên hệ với bị cáo Ly Mí M về tiền công và việc thuê người đón, đưa 06 người đến địa điểm thôn M, xã M, huyện Đ để cùng với Ly Mí M đưa 06 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc được thuận lợi; do đó Mua Chứ S được xác định là người giữ vai trò tích cực nhất và phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất.

[7] Đối với Ly Mí M là người liên hệ với Thào Mí M về tiền công và việc thuê người đón, đưa 06 người lao động, cùng bàn bạc với Mua Chứ S về việc đưa 06 người vượt biên giới trái phép sang Trung Quốc, nên Ly Mí M là người được xác định giữ vai trò thứ hai và phải chịu trách nhiệm hình sự cao thứ hai trong vụ án.

[8] Đối với bị cáo Thào Mí M là người đi tìm, thuê 05 người chở xe ôm và cùng với bị cáo để đón, đưa 06 công dân đi từ thôn Khía L, xã Thái Phìn Tùng, huyện Đ đến thôn M, xã M, huyện Đ giao cho Mua Chứ S và Ly Mí M; được xác định là người giữ vai trò thứ ba trong vụ án, do đó bị cáo chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo Ly Mí M.

[9] Đối với các bị cáo Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C, Mua Vả S là những người được Thào Mí M thuê chở người từ địa điểm thôn Khía L, xã Thái Phìn Tùng, huyện Đ đến thôn M, xã M, huyện Đ để giao người; là người thực hành mỗi bị cáo đã chở 01 người để giao trong số 06 công dân Việt Nam cho bị cáo Mua Chứ S và bị cáo Ly Mí M đưa đi vượt biên trái phép sang Trung Quốc; do đó các bị cáo giữ vai trò ngang nhau trong vụ án.

[10] Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng bị cáo mà chỉ thể hiện điện thoại cho nhau trao đổi về nội dung và thống nhất cùng nhau thực hiện. Do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của các bị cáo đã gây ra; song về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó; đồng thời áp dụng Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm đối với các bị cáo.

[11] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[12] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[13] Về hình phạt: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời điểm đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp Covid-19; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều Chỉ thị về công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, trong đó có nội dung về tạm dừng xuất, nhập cảnh và tập trung lực lượng tăng cường canh gác vào các đường biên giới để phòng chống các hành vi xuất, nhập cảnh trái phép; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên, việc các bị cáo tổ chức đưa 06 công dân trốn đi nước ngoài, bị lực lượng Biên phòng và Công an huyện Đ phát hiện ngăn chặn, hậu quả chưa xảy ra, nên các bị cáo phạm tội chưa đạt; cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt để xét xử đối với các bị cáo.

[14] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng..... đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

[15] Trong vụ án này, đối với các đối tượng: Người tên P thuê Mua Chứ S đưa 06 người vượt biên giới để sang Trung Quốc; Người đăng bài viết trên mạng xã hội Zalo “ Chuyên chuyển tiền Việt -Trung” “ M béo” và người tên Đ đang làm thuê ở Trung Quốc rủ người Việt Nam sang Trung Quốc lao động. Do bị cáo và số người lao động đi Trung Quốc làm thuê không cung cấp đầy đủ thông tin của các đối tượng nên Cơ quan An ninh điều tra không đủ điều kiện để điều tra, xác minh, thu thập thông tin về nhân thân, lai lịch, thu thập tài liệu, chứng cứ, chứng minh vai trò của các đối tượng trong vụ án này. Cơ quan An ninh điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật khi có căn cứ.

[16] Đối với 06 công dân Việt Nam trốn đi Trung Quốc, do số người này chưa xuất cảnh trái phép được, nên Cơ quan An ninh điều tra không xử lý đối với số người trên là có căn cứ.

[17] Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu bạc của Ly Mí M; 01 (một) điện thoại cảm ứng màu xanh, nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng của Mua Chứ S; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu JOOEAI màu xanh của bị cáo Thào Mí M, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động KINGREAT đã qua sử dụng của bị cáo Vàng Mí C đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động VIVO màu xanh của bị cáo Mua Mí V; 01 (một) điện thoại di động Masstel màu đen của bị cáo Mua Vả S. Xét thấy những chiếc điện thoại này các bị cáo đều sử dụng vào việc liên lạc thuê chở người và nhận chở người gồm 06 công dân Việt Nam để trốn sang Trung Quốc; cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

[18] Trong vụ án các bị cáo Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M) Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhì C) , Vàng Mí C và Mua Vả S có sử dụng xe máy làm phương tiện để mỗi người chở 01 công dân đến địa

điểm thôn M, xã M, huyện Đ giao cho Mua Chứ S và Ly Mí M là phương tiện các bị cáo sử dụng vào phạm tội; tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa một số bị cáo khai nguồn tiền mua xe là do gia đình các bị cáo vay tiền từ ngân hàng chưa trả hết, một số bị cáo khai từ nguồn tiền bán bò, lợn, gà của chung gia đình đều là phương tiện đi lại chung và duy nhất của gia đình; do đó Cơ quan An ninh điều tra không thu giữ những chiếc xe máy của các bị cáo mà để lại cho gia đình các bị cáo làm phương tiện đi lại; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[19] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 135 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[20] Từ những phân tích nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M, Thào Mí M về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 349 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C, Vàng Mí C, Mua Vả S về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài" theo quy định tại khoản 1 Điều 349 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phát biểu luận tội và đề nghị về áp dụng điều luật, hình phạt đối với các bị cáo, xử lý vật chứng, án phí của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[21] Phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo về cơ bản nhất trí với bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng như nhận định của hội đồng xét xử; tuy nhiên Trợ giúp viên pháp Lý Nguyễn Thị Lan đề nghị xử phạt bị cáo Mua Chứ S mức hình phạt từ 02 năm đến 03 năm tù là thấp, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án như đã phân tích tại đoạn [6]; do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[22] Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M) và Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M) Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C) , Vàng Mí C và Mua Vả S phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài".

2. Hình phạt

- Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối

với các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M) và Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M):

- + Xử phạt bị cáo **Mua Chứ S** 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo **Ly Mí M** (tên gọi khác Ly Sía M) 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo **Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M)** 02 (Hai) năm tù.

- Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 15, Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C) , Vàng Mí C và Mua Vả S:

- + Xử phạt bị cáo **Mua Mí V** 06 (Sáu) tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo **Thào Mí N** 06 (Sáu) tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo **Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C)** 06 (Sáu) tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo **Vàng Mí C** 06 (Sáu) tháng tù;
- + Xử phạt bị cáo **Mua Vả S** 06 (Sáu) tháng tù;
- Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà Nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT màu bạc của Ly Mí M; 01 điện thoại màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu OPPO của Mua Chứ S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu JOOEAI màu xanh của bị cáo Thào Mí M; 01 điện thoại di động KINGREAT của bị cáo Vàng Mí C đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động VIVO màu xanh của bị cáo Mua Mí V; 01 điện thoại di động Masstel màu đen của bị cáo Mua Vả S.

Đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/11/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

4. Án phí: Căn cứ Điều 135 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Mua Chứ S, Ly Mí M (tên gọi khác Ly Sía M) và Thào Mí M (tên gọi khác Thào Chứ M) Mua Mí V, Thào Mí N, Thò Mí C (tên gọi khác Thò Nhìa C) , Vàng Mí C và Mua Vả S.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PC 02, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan